

Bài tập Tết môn Toán lớp 2

Bài 1) Đặt tính rồi tính :

$$36 + 23 \quad 100 - 46 \quad 60 + 27 \quad 72 - 19 \quad 57 + 38 \quad 98 - 49$$

Bài 2) Điền số $2 \text{ dm } 8 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$32 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{dm} \dots\dots\dots \text{cm}$

$90 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

$8 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

Bài 3) Tìm x:

$$x + 17 = 90 - 9$$

$$71 - x = 17 + 12$$

Bài 4) Điền số

a) $\bigcirc \xrightarrow{+34} \bigcirc \xrightarrow{-26} \bigcirc \xrightarrow{+57} \bigcirc$

b) $23; 27; 31; \dots\dots\dots; \dots\dots\dots; \dots\dots\dots; \dots\dots\dots;$

Bài 5) Toàn có 26 viên bi, Toàn có nhiều hơn Nam 9 viên bi. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi?

Bài 6) Tìm một số sao cho 36 cộng với số đó thì được 69.

Bài 7) Tính nhẩm :

$$2 \times 3 =$$

$$3 \times 5 =$$

$$9 \times 4 =$$

$$4 \times 2 =$$

$$3 \times 7 =$$

$$5 \times 4 =$$

$$2 \times 6 =$$

$$8 \times 3 =$$

$$6 \times 5 =$$

Bài 8) Tính :

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 14 \\ \hline 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 15 \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 19 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 12 \\ \hline 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \\ 24 \\ + 24 \\ \hline 24 \end{array}$$

Bài 9): Tính (theo mẫu) :

Mẫu: $4 \times 5 + 10 = 20 + 10$
 $= 30$

a/ $5 \times 5 + 40 =$
 $=$

$6 \times 4 - 20 =$
 $=$

b/ $9 \times 4 - 18 =$
 $=$

$5 \times 7 + 35 =$
 $=$

Bài 10): Mỗi con vịt có 2 cái chân. Hỏi 7 con vịt có bao nhiêu cái chân?

Bài 11): Tính nhẩm:

$$2 \times 6 =$$

$$5 \times 2 =$$

$$2 \times 9 =$$

$$5 \times 5 =$$

$$3 \times 6 =$$

$$3 \times 8 =$$

$$4 \times 9 =$$

$$4 \times 5 =$$

$$4 \times 6 =$$

$$4 \times 8 =$$

$$3 \times 4 =$$

$$2 \times 5 =$$

Bài 12): 2/ Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

$$4 \times 5 = 20$$

$$3 \times \dots = 18$$

$$4 \times \dots = 28$$

$$3 \times \dots = 27$$

$$4 \times \dots = 40$$

$$3 \times \dots = 6$$

Bài 13): 3/Tính:

$$3 \times 4 =$$

$$5 \times 4 =$$

$12 : 3 =$

$20 : 4 =$

$12 : 4 =$

$20 : 5 =$

Bài 14: Mỗi xe đạp có 2 bánh. Hỏi 5 xe đạp như thế có bao nhiêu bánh xe?

Bài 15: Tính nhẩm:

$3 \times 7 =$

$18 : 2 =$

$4 \times 6 =$

$16 : 4 =$

$4 \times 8 =$

$28 : 4 =$

$3 \times 4 =$

$20 : 2 =$

$5 \times 5 =$

$15 : 3 =$

$5 \times 2 =$

$30 : 3 =$

Bài 16) : Viết số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	4		5		5		2	
Thừa số	6	2	3	2		3	4	10
Tích		18		6	25	12		30

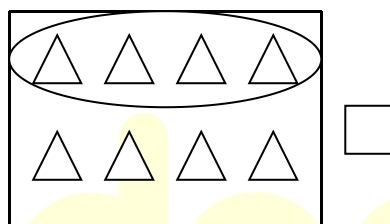
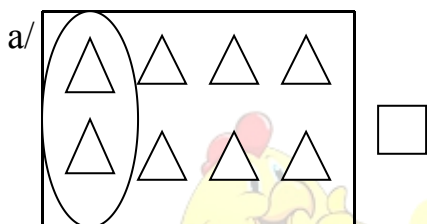
Bài 17: Câu 3: Tìm x :

a/ $X + 3 = 15$

b/ $X \times 3 = 15$

Bài 18 : Có 24 học sinh chia đều thành 3 tổ. Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh?

Bài 19: Đánh dấu x vào ô vuông có hình vẽ đã khoanh tròn vào $\frac{1}{4}$ số hình tam giác



Bài 20: Tính nhẩm:

$4 \times 9 =$

$24 : 3 =$

$5 \times 4 =$

$28 : 4 =$

$2 \times 4 =$

$20 : 4 =$

$3 \times 6 =$

$15 : 3 =$

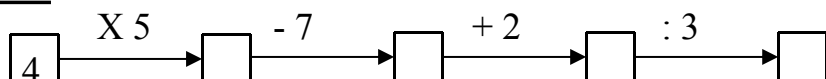
$5 \times 7 =$

$16 : 2 =$

$4 \times 6 =$

$25 : 5 =$

Bài 21: Số?



Bài 22: Tìm X:

a/ $X - 4 = 5$

b/ $X : 4 = 5$

Bài 23: Mỗi chuồng có 5 con thỏ. Hỏi 4 chuồng như thế có tất cả bao nhiêu con thỏ?

Câu 7: An và Huy có tất cả 26 hòn bi. Nếu An cho Huy 5 hòn bi, Huy đưa lại cho An 7 hòn bi. Lúc này trong tay 2 bạn đều có số bi bằng nhau. Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu bi, Huy có bao nhiêu bi?

Bài 24: Biết thỏ ít hơn gà 18 con và số thỏ là 19 con. Hỏi cả gà và thỏ có bao nhiêu chân?

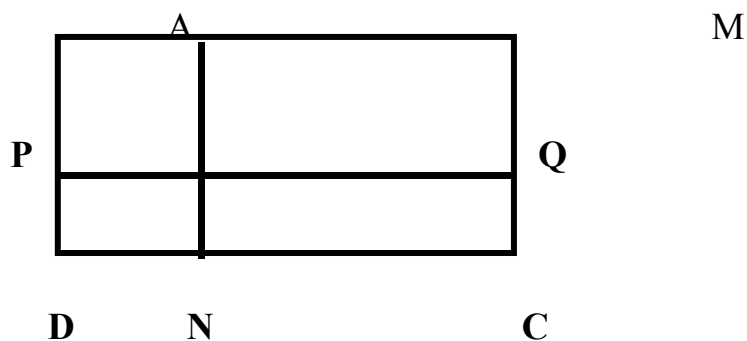
Câu 25 : An cho Bình 16 viên bi, An còn lại 26 viên bi. Hỏi trước khi cho Bình thì An có bao nhiêu viên bi ?

Câu 26 : Hãy viết 6 thành tổng của 3 số hạng khác nhau

Câu 27 : Có 1 can 5 lít và 1 can 3 lít, làm thế nào để đong 1 lít nước ?

Câu 28 : Với hai chữ số 3 và 6 hãy viết các số có hai chữ số. (Trong mỗi số các chữ số có thể giống nhau

Câu 29 : Hình bên có bao nhiêu hình chữ nhật? Đọc tên.



Bài 30: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Nếu kim ngắn đồng hồ chỉ vào số 3 và kim dài chỉ vào số 12 thì đồng hồ chỉ:

- A. 12 giờ 30 phút
B. 3 giờ rưỡi
C. 3 giờ
D. 12 giờ 15 phút.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 31: Kết quả phép tính: $16 - (7 - 5)$ là:

- A. 4
B. 14
C. 16
D. 18

Câu 32: Kết quả của phép tính : $17 - (4 + 13)$ là:

- A. 26
B. 16
C. 10
D. 0

Câu 33: Mẹ hơn Lan 25 tuổi, Bố hơn Mẹ 6 tuổi. Hỏi tuổi của Lan là bao nhiêu? Biết rằng tuổi Bố là 46.

- A. 6
B. 27
C. 15
D. 16

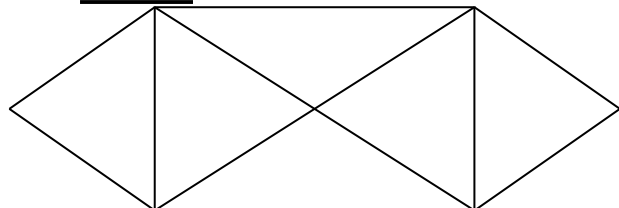
Câu 34: Cho $13 - X + 7 = 20 - 6$. Giá trị của X là:

- A. 47
B. 34
C. 20
D. 6

Câu 35: Tìm một số trừ đi 2 sau đó trừ đi 3 được bao nhiêu đem cộng với 6 thì được số lớn nhất có hai chữ số. Số cần tìm có giá trị là:

- A. 100
B. 99
C. 98
D. 97

Câu 36: Cho hình vẽ:



Hình vẽ bên có:

- +hình tam giác.
+hình tứ giác.

Câu 37: Tính nhẩm : $2 \times 3 =$

$$4 \times 2 =$$

$$2 \times 6 =$$

$$3 \times 5 =$$

$$3 \times 7 =$$

$$8 \times 3 =$$

$$9 \times 4 =$$

$$5 \times 4 =$$

$$6 \times 5 =$$

Câu 38: Tính :

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 14 \\ \hline 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 15 \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 19 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 12 \\ \hline 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \\ 24 \\ + 24 \\ \hline 24 \end{array}$$

Câu 39: Tính (theo mẫu) :

Mẫu: $4 \times 5 + 10 = 20 + 10$
 $= 30$

a/ $5 \times 5 + 40 =$

$=$

b/ $9 \times 4 - 18 =$

$=$

$6 \times 4 - 20 =$

$=$

$5 \times 7 + 35 =$

Câu 40: Mỗi con vịt có 2 cái chân. Hỏi 7 con vịt có bao nhiêu cái chân?

Câu 41: Tính nhẩm:

$2 \times 6 =$

$5 \times 2 =$

$2 \times 9 =$

$5 \times 5 =$

$3 \times 6 =$

$3 \times 8 =$

$4 \times 9 =$

$4 \times 5 =$

$4 \times 6 =$

$4 \times 8 =$

$3 \times 4 =$

$2 \times 5 =$

Câu 42: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

$4 \times 5 = 20$

$3 \times \dots = 18$

$4 \times \dots = 28$

$3 \times \dots = 27$

$4 \times \dots = 40$

$3 \times \dots = 6$

Câu 42: Tính:

$3 \times 4 =$

$5 \times 4 =$

$12 : 3 =$

$20 : 4 =$

$12 : 4 =$

$20 : 5 =$

Câu 43: Mỗi xe đạp có 2 bánh. Hỏi 5 xe đạp như thế có bao nhiêu bánh xe?

Câu 44: Tính nhẩm:

$3 \times 7 =$

$18 : 2 =$

$4 \times 6 =$

$16 : 4 =$

$4 \times 8 =$

$28 : 4 =$

$3 \times 4 =$

$20 : 2 =$

$5 \times 5 =$

$15 : 3 =$

$5 \times 2 =$

$30 : 3 =$

Câu 45: Viết số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	4		5		5		2	
Thừa số	6	2	3	2		3	4	10
Tích		18		6	25	12		30

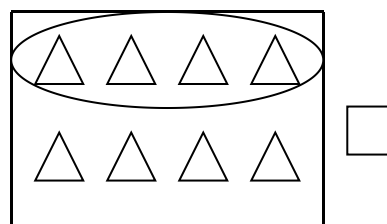
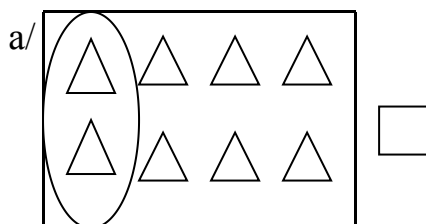
Câu 46: Tìm x :

a/ $X + 3 = 15$

b/ $X \times 3 = 15$

Câu 47: Có 24 học sinh chia đều thành 3 tổ. Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh?

Câu 48: Đánh dấu x vào ô vuông có hình vẽ đã khoanh tròn vào $\frac{1}{4}$ số hình tam giác



Câu 49: Tính:

a/ $4 \times 2 \times 1 =$

c/ $2 : 2 \times 0 =$

$$\begin{array}{l} = \\ b/ 6 : 2 \times 1 = \\ = \end{array}$$

$$\begin{array}{l} = \\ d/ 0 : 4 \times 1 = \\ = \end{array}$$

Câu 50: Một bác thợ may dùng 20 m vải may 5 bộ quần áo giống nhau. Hỏi để may một bộ quần áo như thế cần bao nhiêu mét vải?

Tham khảo thêm: <https://vndoc.com/giai-toan-lop-2>

